ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Văn hóa học
Khóa: 2026
Trình độ: Đại học
Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-ĐHSP ngày 31/12/2025 của Hiệu trưởng)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
Khối kiến thức: GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			**16**	**169**	**71**		
1	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
2	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
3	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(15)		
4	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(15)		
5	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(15)		
6	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(15)		
7	00201264	Giáo dục quốc phòng	(0)	(0)	(60)		
8	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
9	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
10	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
11	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
12	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15	31721091	
		Học phần tự chọn	**10**	**135**	**15**		
13	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
14	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
15	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
Khối kiến thức: CƠ SỞ NGÀNH			**23**	**217**	**128**		
16	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	21	9	31731025	
17	31721993	Xã hội học đại cương	2	20	10		
18	31732153	Hán văn cơ sở	3	30	15		
19	31722151	Hán Nôm chuyên ngành	2	15	15	31732153	
20	31731025	Nhân học văn hóa	3	30	15		
21	31821110	Lịch sử văn minh thế giới	2	15	15		
22	31822002	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội	2	20	10		
23	31722001	Mỹ học đại cương	2	15	15		
24	31724889	Nhập môn Công nghiệp Văn hóa	2	21	9		
25	31738118	Không gian sáng tạo và thành phố sáng tạo	3	30	15	31724889	
		Học phần tự chọn	**11**	**108**	**57**		
26	31828002	*Địa danh học và địa danh Việt Nam*	2	15	15		
27	31728102	*Di sản trong phát triển các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo*	2	21	9		
28	31728103	*Các vấn đề văn hóa đương đại*	2	21	9		
29	31738108	*Ngôn ngữ truyền thông*	3	30	15		
30	31728555	*Thực hành văn bản tiếng Việt*	2	21	9		
Khối kiến thức: CỐT LÕI NGÀNH			**67**	**642**	**363**		
31	31721849	Thực tế chuyên môn	2	0	30		
32	31728945	Nghiên cứu văn hóa	2	21	9	31822002	
33	31728589	Truyền thông và văn hóa	2	21	9		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
34	31738119	Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo trong kỷ nguyên số	3	30	15	31738101	
35	31738115	Tổ chức và quản lý sự kiện văn hóa	3	30	15	31741092	
36	31728114	Viết sáng tạo	2	21	9		
37	31728107	Văn hóa và lối sống cư dân đô thị	2	21	9		
38	31738106	Văn hóa truyền thống các tộc người thiểu số Việt Nam	3	30	15		
39	31748105	Các nền văn hóa thế giới	4	45	15		
40	31738104	Văn hóa và biểu tượng	3	30	15		
41	31738101	Di sản học	3	30	15		
42	31721137	Văn hóa đại chúng	2	21	9		
43	31721109	Kĩ năng dẫn chương trình	2	15	15		
44	31721098	Kiến tập	2	0	30		
45	31731022	Lí thuyết văn hóa	3	30	15		
46	31721023	Bảo tàng học	2	21	9	31738106	
47	31721947	Văn hóa kinh doanh	2	21	9		
48	31831946	Văn hóa du lịch	3	30	15		
49	31731006	Nhập môn điện ảnh	3	30	15		
50	31731027	Văn hóa và phát triển	3	30	15		
51	31831003	Tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam	3	30	15		
52	31731029	Khu vực học	3	30	15		
53	31731037	Xây dựng văn hóa cộng đồng	3	30	15		
54	31741092	Văn hoá nghệ thuật Việt Nam	4	45	15		
55	31731095	Quản lí Nhà nước về văn hóa	3	30	15		
Học phần tự chọn			**19**	**123**	**252**		
56	31721097	*Tiếng Anh chuyên ngành Văn hóa*	2	9	21		
57	31728111	*Bản quyền và sở hữu trí tuệ*	2	21	9		
58	31731040	*Ngôn ngữ và văn hóa*	3	30	15		
59	31621006	*Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp*	2	21	9		
60	31728109	*Di tích và danh thắng Việt Nam*	2	21	9		
61	31728568	*Sinh thái học Văn hóa*	2	21	9		
62	31761104	*Khóa luận tốt nghiệp*	6	0	180		
Khối kiến thức: THỰC TẬP VÀ TRẢI NGHIỆM			**4**	**0**	**60**		
63	31741103	Thực tập tốt nghiệp	4	0	60		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			**150**	**1394**	**946**		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			**110**	**1028**	**622**		
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			**40**	**366**	**324**		

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

- Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh là học phần có gắn ký hiệu chữ "A".

TRƯỞNG NGÀNH **TRƯỞNG KHOA** **HIỆU TRƯỞNG**

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Phan Đức Tuấn

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành: Văn hóa học — Khóa: 2026
Trình độ: Đại học — Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-ĐHSP ngày 31/12/2025 của Hiệu trưởng)

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
1	00101265	Giáo dục thể chất 1	1	0	15		
	31721091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	21	9	31731025	
	31724889	Nhập môn Công nghiệp Văn hóa	2	21	9		
	31731022	Lí thuyết văn hóa	3	30	15		
	31731025	Nhân học văn hóa	3	30	15		
	31738101	Di sản học	3	30	15		
	31821110	Lịch sử văn minh thế giới	2	15	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**147**	**93**		
2	00101266	Giáo dục thể chất 2	1	0	15		
	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
	31721993	Xã hội học đại cương	2	20	10		
	31738119	Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo trong kỷ nguyên số	3	30	15	31738101	
	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15	31721091	
		Học phần tự chọn					
	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
	31728555	*Thực hành văn bản tiếng Việt*	2	21	9		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**153**	**87**		
3	00201264	Giáo dục quốc phòng	0	0	60		
	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
	31731029	Khu vực học	3	30	15		
	31732153	Hán văn cơ sở	3	30	15		
	31748105	Các nền văn hóa thế giới	4	45	15		
		Học phần tự chọn					
	31738108	*Ngôn ngữ truyền thông*	3	30	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**165**	**135**		
4	00101267	Giáo dục thể chất 3	1	0	15		
	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
	31722151	Hán Nôm chuyên ngành	2	15	15	31732153	
	31738104	Văn hóa và biểu tượng	3	30	15		
	31822002	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội	2	20	10		
	31831003	Tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam	3	30	15		
		Học phần tự chọn					
	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**162**	**78**		
5	00101268	Giáo dục thể chất 4	1	0	15		
	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
	31721023	Bảo tàng học	2	21	9	31738106	
	31722001	Mỹ học đại cương	2	15	15		
	31728945	Nghiên cứu văn hóa	2	21	9	31822002	
	31741092	Văn hoá nghệ thuật Việt Nam	4	45	15		
		Học phần tự chọn					
	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	**17**	**184**	**71**		
	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
	31731037	Xây dựng văn hóa cộng đồng	3	30	15		
	31731095	Quản lí Nhà nước về văn hóa	3	30	15		

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
6	31738106	Văn hóa truyền thống các tộc người thiểu số Việt Nam	3	30	15		
	31738118	Không gian sáng tạo và thành phố sáng tạo	3	30	15	31724889	
		Học phần tự chọn					
	31728103	*Các vấn đề văn hóa đương đại*	2	21	9		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**162**	**78**		
7	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
	31721109	Kĩ năng dẫn chương trình	2	15	15		
	31721137	Văn hóa đại chúng	2	21	9		
	31731006	Nhập môn điện ảnh	3	30	15		
	31738115	Tổ chức và quản lý sự kiện văn hóa	3	30	15	31741092	
		Học phần tự chọn					
	31728568	*Sinh thái học Văn hóa*	2	21	9		
		Số tín chỉ trong kỳ	**14**	**139**	**71**		
8	31721947	Văn hóa kinh doanh	2	21	9		
	31728114	Viết sáng tạo	2	21	9		
	31728589	Truyền thông và văn hóa	2	21	9		
	31731027	Văn hóa và phát triển	3	30	15		
	31831946	Văn hóa du lịch	3	30	15		
		Học phần tự chọn					
	31828002	*Địa danh học và địa danh Việt Nam*	2	15	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**14**	**138**	**72**		
9	31721098	Kiến tập	2	0	30		
	31721849	Thực tế chuyên môn	2	0	30		
	31728107	Văn hóa và lối sống cư dân đô thị	2	21	9		
		Học phần tự chọn					
	31728111	*Bản quyền và sở hữu trí tuệ*	2	21	9		
	31731040	*Ngôn ngữ và văn hóa*	3	30	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	**11**	**72**	**93**		
10	31741103	Thực tập tốt nghiệp	4	0	60		
		Học phần tự chọn					
	31761104	*Khóa luận tốt nghiệp*	6	0	180		
		Số tín chỉ trong kỳ	**10**	**0**	**240**		
11		**Học phần tự chọn**					
	31621006	*Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp*	2	21	9		
	31721097	*Tiếng Anh chuyên ngành Văn hóa*	2	9	21		
	31728102	*Di sản trong phát triển các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo*	2	21	9		
	31728109	*Di tích và danh thắng Việt Nam*	2	21	9		
		Số tín chỉ trong kỳ	**8**	**72**	**48**		

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

- Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh là học phần có gắn ký hiệu chữ "A".

TRƯỞNG NGÀNH	TRƯỞNG KHOA	KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thu Trang	Hồ Trần Ngọc Oánh	TS. Phan Đức Tuấn